

# Chất lượng và hiệu quả triển khai sách Tiếng Việt lớp 1 Công nghệ giáo dục

Nguyễn Thị Lan Phương và Nhóm nghiên cứu

Email: lanphuongkhgd@yahoo.com  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
Số 4 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** *Đề phù hợp với xu thế dạy học hiện đại “dạy ngôn ngữ thông qua giao tiếp đọc, viết, nghe, nói” và đáp ứng định hướng của chương trình giáo dục phổ thông mới, Tiếng Việt lớp 1 Công nghệ giáo dục cần điều chỉnh về quan điểm dạy học “chân không về nghĩa”. Quy trình dạy học phát triển hợp lý cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và chú trọng phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh. Bài viết đưa ra kết quả đánh giá của 18 chuyên gia ngôn ngữ và đánh giá giáo dục cùng kết quả khảo sát 1079 cán bộ quản lí, giáo viên, học sinh và phụ huynh ở Lào Cai, Nam Định, Hà Tĩnh, Tây Ninh và Kiên Giang về chất lượng và hiệu quả triển khai sách Tiếng Việt lớp 1 Công nghệ giáo dục.*

**TỪ KHOÁ:** Sách Tiếng Việt lớp 1 Công nghệ giáo dục; năng lực; học sinh; chất lượng.

Nhận bài 25/02/2018 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 09/3/2018 → Duyệt đăng 25/3/2018.

## 1. Đặt vấn đề

Việc triển khai thử nghiệm sách Tiếng Việt lớp 1 Công nghệ giáo dục (TV1 CNGD) trong thực tiễn giáo dục (GD) nước ta trải qua gần 30 năm:

- Giai đoạn 1991-1995, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) đã chủ trương triển khai dạy tiếng Việt theo tài liệu TV1 CNGD như một trong những phương án GD ở địa bàn có điều kiện (thành phố, thị xã, thị trấn), đồng thời bắt đầu thử nghiệm ở vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn. Trong giai đoạn này, tài liệu được dạy ở 43 tỉnh, thành phố trên toàn quốc;

- Từ sau 1995, quy mô dạy theo tài liệu này dần thu hẹp. Sau khi Chương trình (CT) Tiểu học năm 2000 ban hành, TV1 CNGD **không** được phép triển khai nữa bởi tuân thủ Khoản 2 Điều 25 Luật GD 1998 và Khoản 3 Điều 29 Luật GD 2005 “*Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành CT GD phổ thông, duyệt sách giáo khoa (SGK) để sử dụng chính thức, ổn định, thống nhất trong giảng dạy, học tập ở cơ sở GD phổ thông*”.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài trọng điểm cấp Bộ Hoàn thiện Công nghệ dạy Tiếng Việt lớp 1 cho học sinh (HS) dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc (mã số B2004-51-TĐ11), Bộ GD&ĐT đưa ra chủ trương triển khai dạy TV1 CNGD như là một trong năm phương án tăng cường tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số ở năm học 2008-2009. Từ năm học 2011-2012 đến nay, việc dạy học (DH) theo sách TV1 CNGD cho HS tiểu học trên cơ sở tình nguyện của các địa phương.

Một mặt, do sách TV1 CNGD đã được triển khai thực nghiệm khá lâu dài, cần đánh giá (ĐG) chất lượng (CL) và hiệu quả của nó trong thực tiễn. Mặt khác, để thực hiện chủ trương “*một CT nhiều SGK*” [1], cần đưa ra những giải pháp chỉ đạo triển khai cuốn sách TV1 CNGD trong giai đoạn tiếp theo. Vì vậy, Viện Khoa học GD Việt Nam tổ chức *Nghiên cứu, ĐG CL và hiệu quả của sách TV1 CNGD, từ đó đề xuất giải pháp sử dụng sách này trong giai đoạn tiếp theo* [2].

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp luận nghiên cứu và đánh giá sách Tiếng Việt lớp 1 Công nghệ giáo dục

ĐG CL, hiệu quả triển khai SGK/ tài liệu là quá trình thu thập và phân tích thông tin từ nhiều nguồn về: Sự đáp ứng của sách đối với các yêu cầu của CT GD; mức độ đạt mục đích, mục tiêu của sách trong quá trình triển khai thực tiễn; sự đáp ứng của điều kiện đảm bảo cho SGK đó.

- Việc ĐG sách TV1 CNGD được tiến hành theo cách tiếp cận chuẩn hoá - thống nhất, khớp nối tất cả các vấn đề cơ bản: Mục tiêu và mức độ yêu cầu của CT môn Tiếng Việt lớp 1 tương quan với mục tiêu của sách và mục tiêu các bài học; hệ thống tiêu chí ĐG CL, hiệu quả triển khai sách đáp ứng yêu cầu CT và thực tiễn triển khai; ĐG CL và hiệu quả của sách dựa trên vào hệ thống tiêu chí ĐG; công cụ ĐG được thiết kế phù hợp với phương pháp và tiêu chí ĐG;...

- Viện Khoa học GD Việt Nam đã sử dụng 5 phương pháp ĐG chủ yếu sau: ĐG của chuyên gia về CL sách; phỏng vấn gián tiếp qua phiếu hỏi các cán bộ quản lí (CBQL) GD, giáo viên (GV) và cha mẹ HS về cách thức triển khai TV1 CNGD tại trường học; phỏng vấn, tọa đàm trực tiếp một số CBQL GD, GV và cha mẹ HS về những thuận lợi và khó khăn khi triển khai sách; ĐG các kĩ năng (KN) tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) của HS lớp 1; phân tích, ĐG định tính và định lượng các dữ liệu thu thập được.

- Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã phê duyệt danh sách 18 chuyên gia về lĩnh vực Ngôn ngữ và ĐG GD tham gia ĐG CL, hiệu quả triển khai TV1 CNGD. Đây là những chuyên gia đến từ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Trường Đại học Vinh và Viện Khoa học GD Việt Nam.

Nhóm nghiên cứu đã lựa chọn 05 tỉnh (2 tỉnh miền Bắc, 1 tỉnh miền Trung, 2 tỉnh miền Nam), 01 huyện/ tỉnh, 02 trường/

**Bảng 1: Thống kê số lượng đối tượng tham gia khảo sát**

Tỉnh	CBQL	GV	HS	Cha mẹ HS	Tên trường tiểu học
Lào Cai	4	10	108	36	Trường Gia Phú 1; Trường Gia Phú 2
Nam Định	8	10	160	41	Trường Thị trấn Gôi; Minh Thuận
Hà Tĩnh	5	9	174	40	Trường Thạch Hà; Nam Hương; Thạch Điền
Tây Ninh	8	10	182	38	Trường Thị trấn A; Tân Thành A
Kiên Giang	8	10	181	37	Trường Đình Bộ Lĩnh; Lê Lợi
Tổng địa phương	33	49	805	192	
Chuyên gia	18				

huyện (thuộc vùng phát triển và vùng khó khăn). Tại mỗi tỉnh, chọn 02 chuyên viên (cấp tỉnh và cấp huyện) phụ trách triển khai TV1 CNGD; tại mỗi trường, chọn hiệu trưởng, 05 GV đang dạy và 90 HS đang học theo TV1 CNGD, cùng 20 cha mẹ HS có con đang học sách này.

Tổng cộng có 1097 đối tượng tham gia cuộc khảo sát, ĐG CL và hiệu quả triển khai TV1 CNGD (xem Bảng 1).

Nhóm nghiên cứu đã xây dựng: 5 tiêu chuẩn và 30 tiêu chí ĐG CL TV1 CNGD trên cơ sở tham khảo dự thảo tiêu chí ĐG SGK của Bộ GD&ĐT (phiên bản tháng 1, tháng 7 năm 2017); 5 tiêu chuẩn và 21 tiêu chí ĐG hiệu quả triển khai TV1 CNGD; biên soạn 11 bộ công cụ phù hợp với các phương pháp ĐG nêu trên. Cụ thể: 01 Phiếu ĐG sách dành cho chuyên gia; 03 đề cương báo cáo dành cho chuyên viên sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT và trường tiểu học về Tình hình triển khai tài liệu TV1 CNGD; 03 phiếu hỏi CBQL GD, GV và cha mẹ HS về: Chỉ đạo, triển khai và các điều kiện đảm bảo CL cho TV1 CNGD; 01 test dành cho HS lớp 1 để ĐG các KN tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết): Giới thiệu Test, Test, hướng dẫn chấm điểm; 03 kịch bản phỏng vấn dành cho CBQL GD, GV và phụ huynh về thuận lợi, khó khăn khi thực hiện tài liệu TV1 CNGD.

## 2.2. Những kết quả đánh giá chủ yếu

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành ĐG CL bộ sách do Nhà Xuất bản GD Việt Nam xuất bản năm 2016, bao gồm: Tiếng Việt lớp 1 (tập 1, 2, 3); Em tập viết CNGD (tập 1, 2, 3); Thiết kế Tiếng Việt CNGD lớp 1 (tập 1, 2, 3) cho GV; Tài liệu tập huấn môn Tiếng Việt CNGD, tài liệu cho GV, phụ huynh. Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã ký Quyết định số 1338/QĐ-BGD-ĐT ngày 19 tháng 04 năm 2017 về việc Thành lập Hội đồng Quốc gia thẩm định TV1 CNGD. Có thể tóm lược những kết quả chính như sau:

### 2.2.1. Về chất lượng sách Tiếng Việt lớp 1 Công nghệ giáo dục

#### a. Ưu điểm

- Toàn bộ nội dung cuốn sách tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về Luật GD, Luật Xuất bản, Quyền trẻ em, ...;

không có những định kiến về giới, sắc tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, địa vị xã hội, điều kiện kinh tế vùng miền, ...

- Chú trọng mục tiêu hình thành và phát triển KN đọc thành tiếng và KN viết chính tả cho HS lớp 1, nhất là đối với HS người dân tộc thiểu số.

- Bộ sách đã thể hiện đầy đủ các nội dung về âm, vần, các KN đọc thành tiếng, viết chính tả, ... được quy định trong CT môn Tiếng Việt lớp 1; chú trọng cấu trúc ngữ âm của tiếng Việt (âm tiết, âm vị, âm đệm, ...) và các kĩ thuật phát âm chuẩn. Qua đó, cung cấp một số kiến thức cơ bản về môi trường tự nhiên, xã hội, văn hoá Việt Nam. ...

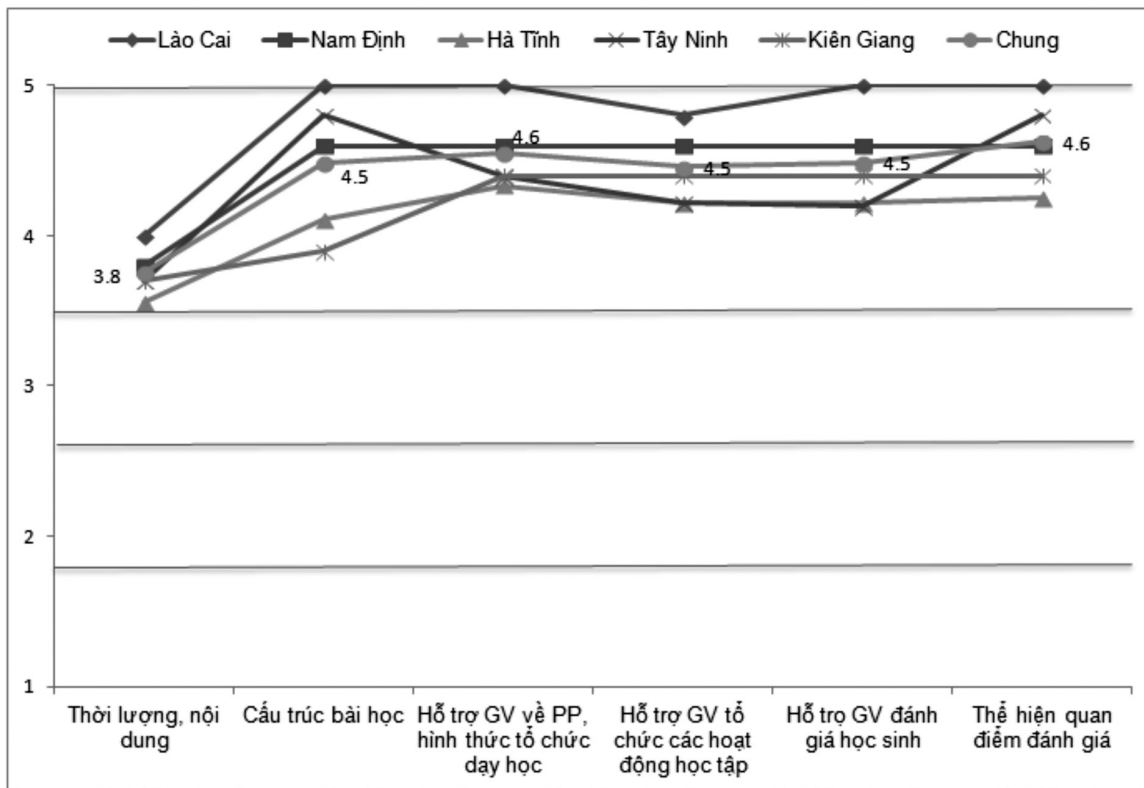
- Phương thức DH “chuyển A thành a theo quy trình công nghệ”, “Thầy thiết kế, Trò thi công” thông qua 4 việc làm (chiếm lĩnh ngữ âm, viết, đọc trơn và viết chính tả) được thể hiện nhất quán trong các bài học. Việc thực hiện theo một quy trình “công nghệ” chặt chẽ đã tối ưu hóa hoạt động DH - giúp HS nắm vững cấu trúc ngữ âm tiếng Việt, luật chính tả và vận dụng hiệu quả trong hoạt động đọc (đọc trơn và viết chính tả). Việc yêu cầu HS đọc toàn âm tiết ngay từ đầu, không nhất thiết phải đánh vần, phù hợp với bản chất “là chinh thể trọn vẹn” của âm tiết tiếng Việt.

- Cách thiết kế sách hỗ trợ khá tốt hoạt động kiểm tra, ĐG của GV: Mục tiêu DH được nêu cụ thể đầu bài học, nội dung bài học tập trung vào một số âm/ vần nhất định và được kiểm tra, ĐG trong quá trình tổ chức DH; hệ thống nhiệm vụ, bài tập của sách tương đối đa dạng, có độ khó tăng dần giúp GV xác định sự tiến bộ của HS.

Hình 1 mô tả chỉ số ĐG của những GV được khảo sát về CL sách TV1 CNGD. Qua khảo sát cho thấy, sách đáp ứng rất tốt các yêu cầu về cấu trúc bài học và hỗ trợ phương pháp DH, ĐG kết quả học tập; đáp ứng khá tốt yêu cầu về nội dung DH.

#### b. Hạn chế

- Một số mục tiêu CT Tiếng Việt lớp 1 chưa được thể hiện rõ ràng, chẳng hạn như: Hình thành và phát triển năng lực (NL) sử dụng tiếng Việt (cả tiếng Việt văn hóa và tiếng Việt đời sống); chú trọng gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt (còn có những ví dụ tiêu cực, phản cảm hoặc rất ít sử dụng như sảm/sở/ xảm/xở; câng/cắc; tâng/hẳng; quẳm/quẳm, lẳh



Chú thích: Từ 1-1,8: Hoàn toàn không đáp ứng; 1,81-2,6: Hầu như không đáp ứng; 2,61-3,4: Tương đối đáp ứng; 3,41-4,2: Khá đáp ứng; 4,21-5: Đáp ứng rất tốt

Hình 1: Sự đáp ứng của TV1 CNGD đối với việc hỗ trợ GV trong DH, DG

đềnh...); việc phát triển các KN nói và nghe cho HS tương đối mờ nhạt, ngay KN đọc cũng không chú trọng DH hiểu nghĩa tường minh và mở rộng vốn từ.

- Một số nội dung DH chưa thật phù hợp với việc dạy tiếng như: Luyện phát âm chuẩn (chẳng hạn âm /a/ mở môi thế nào,...) để thống nhất ngữ âm tiếng Việt là một tham vọng không khả thi; một số khái niệm chưa chuẩn xác, ví dụ “chữ cái” trong “1 âm – 2 hay 4 chữ cái g/gh, ng/ng” (thực ra đó là 4 cách khác nhau ghi cùng một âm, không phải 2 hay 4 chữ cái),...; chủ trương “chân không về nghĩa” khiến cho HS không hiểu nghĩa của từ ngữ, khó cảm nhận được vẻ đẹp của tiếng Việt. Thiếu tính liên thông với CT các môn học khác (đọc bài toán có lời văn thì HS không hiểu nghĩa từ), cách đọc bảng chữ cái của lớp 1 CNGD khác lớp 2 hiện hành,...

- DH theo “quy trình công nghệ” có thể làm: Hạn chế sự sáng tạo của GV trong việc tổ chức DH; lặp đi lặp lại theo 4 việc làm khiến giờ học dần trở nên đơn điệu, nhàm chán; HS phải học theo một chiều, rập khuôn, không phù hợp với quan điểm tích cực hóa hoạt động của người học, không khai thác được kinh nghiệm ngôn ngữ của trẻ, nhất là với HS người Kinh (đã nghe và nói tiếng Việt khá tốt trước khi đến trường) mà phù hợp hơn với HS dân tộc thiểu số (tiếng Việt là ngôn ngữ thứ 2).

- Chưa cập nhật những thành tựu về DH ngôn ngữ quốc gia như: Dạy tiếng thông qua cấu trúc ngôn ngữ là không phù hợp với xu thế dạy học hiện đại là “dạy ngôn ngữ thông qua

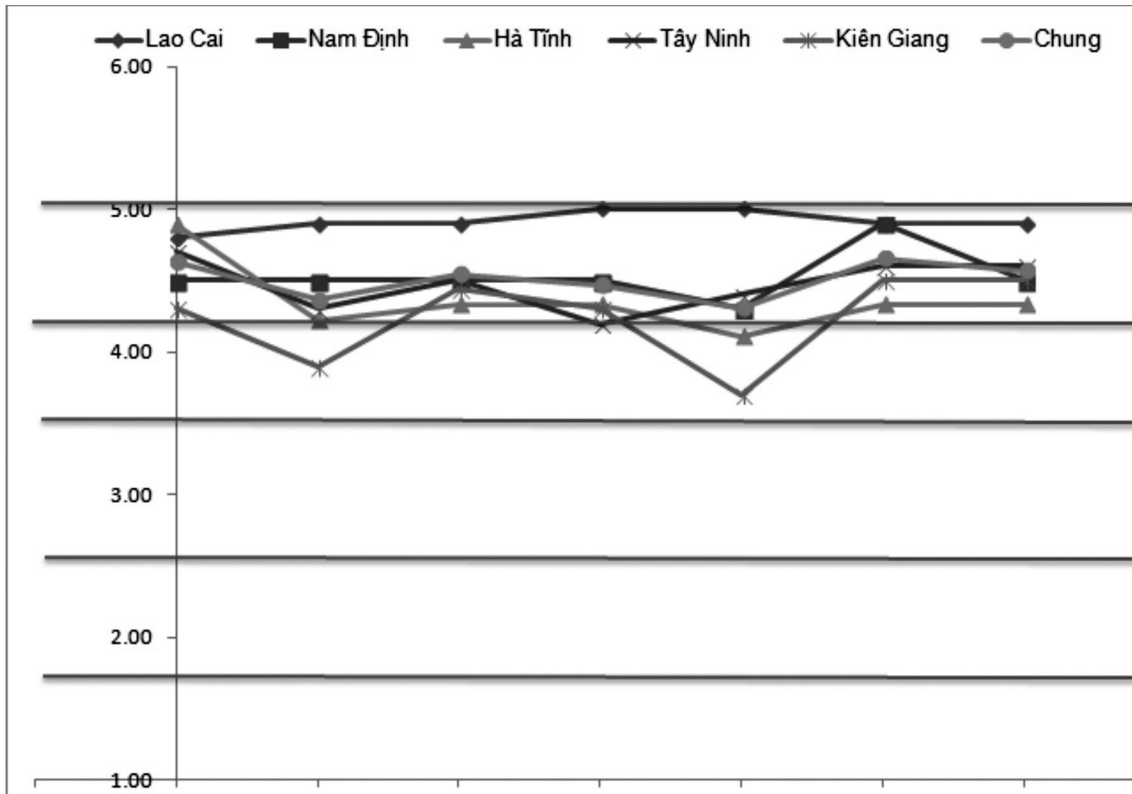
giao tiếp đọc, viết, nghe, nói”. Chú trọng vào dạy đọc tron và viết chính tả nên hạn chế khả năng đọc hiểu, nói và nghe trong giao tiếp bằng tiếng Việt của HS.

### 2.2.2. Về hiệu quả triển khai sách Tiếng Việt 1 Công nghệ giáo dục ở các địa phương được khảo sát

#### a. Ưu điểm

- Kế hoạch triển khai TV1 CNGD ở các địa phương, về cơ bản là hiệu quả bởi vì: Sở và phòng GD&ĐT được địa phương tạo thuận lợi khi phê duyệt; thường tổ chức thử nghiệm vài năm (ví dụ: Lào Cai 5 năm, Nam Định 3 năm,...), sau đó mới mở rộng (hiện tại Nam Định, Hà Tĩnh, Lào Cai, Kiên Giang đã triển khai đại trà); xác định các hoạt động ưu tiên (tập huấn, bồi dưỡng CBQL và GV lớp 1; chuẩn bị đủ cơ sở vật chất để tổ chức học 2 buổi ngày; tuyên truyền về CNGD; sơ kết, rút kinh nghiệm).

- Các cấp quản lý tổ chức tương đối tốt công tác bồi dưỡng CBQL, GV (thông qua các chuyên đề, hội giảng, sinh hoạt chuyên môn) và tăng cường hoạt động tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho từng trường. GV triển khai rất hiệu quả các hoạt động: (1) Nâng cao sự am hiểu về công nghệ DH; (2) Tạo sự đồng thuận của cha mẹ HS và cộng đồng về việc dạy tiếng Việt theo CNGD; (3) Thực hiện thời khóa biểu và thời gian tăng thêm ở môn Tiếng Việt; (4) Tăng cường thực hành; (5) Tăng cường tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số; (6) Kiểm tra, ĐG thường xuyên và định kì; (7) Rút kinh nghiệm giảng dạy. Hình 2 là biểu đồ thể hiện chỉ số ĐG tính hiệu quả của 7 hoạt



Chú thích: Từ 1-1,8: Hoàn toàn không hiệu quả; 1,81-2,6: Hầu như không hiệu quả; 2,61-3,4: Tương đối hiệu quả; 3,41-4,2: Hiệu quả; 4,21-5: Rất hiệu quả

Hình 2: Ý kiến của GV về hiệu quả của các hoạt động DH TV1 CNGD

động trên: Trục hoành thể hiện thứ tự các hoạt động; trục tung là chỉ số ĐG mức độ hiệu quả.

- Với CL cuốn sách và hiệu quả của những hoạt động triển khai của GV đã nêu, kết quả đầu ra thực sự rất đáng kể:

+ Đa số HS đạt yêu cầu của CT trong đó gần 20% đạt mức độ KN cao (mức 4 và 5); khoảng 3/4 em nắm vững kiến thức âm, vần và quy tắc chính tả; gần 70% em đạt yêu cầu đọc, trong đó 40% đạt mức 4 đọc trơn, tốc độ đọc là 41 từ/ phút; gần 70% em đạt yêu cầu viết, trong đó 18% đạt mức độ 4. KN nghe – nói thấp hơn, với gần 55% HS đạt yêu cầu, có một số trường chỉ khoảng 1/3 HS đạt yêu cầu. HS có KN học tập tương đối tốt: Thường xuyên đọc chữ trên tivi, sách, báo, thậm chí chỉnh sửa lại câu chữ cho cha mẹ; lanh lợi, tự tin, có KN sống (vệ sinh cá nhân, lớp học, nhà, cư xử trong gia đình, bạn bè);... Riêng HS dân tộc thiểu số thể hiện những ưu thế vượt trội như: Phân tích được ngữ âm, nắm được cấu trúc vần; đọc nhanh, đúng và chắc chắn (nếu sai thì tự nhẩm rồi đọc lại); nghe, viết đúng chính tả; mạnh dạn, tự tin không rụt rè, nhút nhát.

Hình 3 là biểu đồ phân bố NL HS: Kiến thức tiếng Việt đạt cao nhất (trung bình 1.5); tiếp theo là viết chính tả và tạo lập câu (trung bình 0.6); đọc hiểu từ ngữ, câu (trung bình 0.4); đọc trơn (trung bình -0.8); thấp nhất là nghe, nói (trung bình -4).

+ Những GV dạy theo sách TV1 CNGD đều nắm chắc cấu trúc ngữ âm (nguyên âm đôi, âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối, vị trí đánh dấu thanh), luật chính tả;... Biết cách vận dụng linh hoạt các phương pháp “lập mẫu –

dùng mẫu”, “thầy tổ chức, trò thi công”; tổ chức đa dạng các hình thức học tập tập thể, nhóm, cặp, cá nhân; phát triển chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm thông qua các hoạt động báo cáo chuyên đề, thảo luận, nghiên cứu bài dạy, chia sẻ kinh nghiệm,...

+ Các hiệu trưởng có KN lập kế hoạch triển khai sách, tài liệu DH phù hợp với điều kiện địa phương thông qua việc: Phân tích thực trạng và nhu cầu xã hội; xây dựng kế hoạch, tham mưu với cấp trên; tổ chức thí điểm, ĐG, rút kinh nghiệm và mở rộng; chỉ đạo thực hiện quy trình dạy và học tiếng Việt; chỉ đạo, xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện;...

#### b. Hạn chế

- Khi lập kế hoạch triển khai, địa phương và nhà trường chưa quan tâm thỏa đáng đến việc: Lập dự trù và tìm kiếm nguồn đầu tư kinh phí cho mỗi hoạt động ưu tiên đã nêu; tổ chức và quản lý quá trình DH; giám sát và ĐG kết quả đầu ra;...

- Sự bất bình đẳng về kết quả học tập thể hiện rất rõ rệt. Với những HS yếu kém thì vốn từ rất ít, nói chưa thành câu; nhút nhát, thiếu tự tin. Với những em nghỉ học thường xuyên hoặc khả năng tiếp thu bài chậm thì cả 4 KN tiếng Việt càng hạn chế.

- Quá trình DH của GV được diễn ra khá cứng nhắc, thiếu sự linh hoạt và sáng tạo; ít giải nghĩa từ cho HS (thường lảng tránh khi HS hoặc phụ huynh thắc mắc về nghĩa của những từ ngữ ít phổ biến, không thông dụng); chưa chú trọng rèn luyện các KN đọc hiểu, nghe, nói tiếng Việt cho HS.



	Đọc trơn	Nghe, nói	Đọc hiểu từ ngữ, câu	Viết chính tả, tạo câu	Kiến thức tiếng Việt
5					X
					XX
4					XX
					XXX
					XXX
3				X	XXXX   1
				XX	XXXX
			X	XX	XXXX   7 15
2	X		X	XXXXX	XXXXX   11
	XX		XXX	XXXXX	XXXXX
1	XXX		XXXXX	XXXXXXX	XXXXX
	XXXXX	X	XXXXXXXX	XXXXXXXX	XXXX
	XXXXX		XXXXXXXXXXXX	XXXXXXXX	XXX   6 14
0	XXXXXXXX		XXXXXXXXXXXX	XXXXXXXX	XXX   5 13
	XXXXXXXX	X	XXXXXXXX	XXXXX	XX   4
-1	XXXXXXXX	X	XXXXX	XXX	X   10
	XXXXXX	X	XXX	XX	X   3 12
	XXXXX	XX	XX	X	X   2 9
-2	XXX	XXX	X	X	
	XX	XXX			8
	X	XXX			
-3	X	XXX			
		XXX			
-4		XXX			
		XXX			
-5		XXX			
		XXX			
-6		XXX			
		XX			
		XX			
-7		X			
		X			
-8		X			
		X			
-9		X			

Hình 3: Bản đồ phân bố năng lực HS

**2.3. Đề xuất giải pháp sử dụng hiệu quả tài liệu Tiếng Việt lớp 1 Công nghệ giáo dục**

**2.3.1. Đối với cấp trung ương**

- Tổ chức tổng kết toàn quốc về CL và hiệu quả triển khai sách TV1 CNGD giai đoạn 2011-2016.
- Tổ chức điều chỉnh TV1 CNGD để đáp ứng các tiêu chí SGK dựa theo CT GD môn Tiếng Việt lớp 1 và phù hợp với xu thế DH hiện đại là “dạy ngôn ngữ thông qua giao tiếp đọc, viết, nghe, nói”. Nếu sách đáp ứng thì phê duyệt ban hành như một SGK để sử dụng chính thức trong trường phổ thông.
- Bộ GD&ĐT ban hành văn bản qui định triển khai sách TV1 CNGD như một trong các phương án dạy tiếng Việt .
- Phát huy hình thức tổ chức tập huấn GV, CBQL hiệu quả và CL mà Trung tâm CNGD đã có kinh nghiệm triển khai.

**2.3.2. Đối với cấp quản lý địa phương**

- Chỉ triển khai TV1 CNGD sau khi sách được điều chỉnh và Bộ GD&ĐT xác nhận đã khắc phục hạn chế nêu trên.
- Sau khi TV1 CNGD được Bộ GD&ĐT phê duyệt, đối với

- những nơi có nhu cầu mở rộng, phòng GD&ĐT cần: lập kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện cần thiết (như truyền thông từ mẫu giáo, khi trẻ đang chuẩn bị vào lớp 1; phân bố GV; tổ chức tập huấn trước năm học mới, tập huấn phụ huynh cách hỗ trợ con học tiếng Việt; đầu tư cơ sở vật chất để đảm bảo học 2 buổi ngày; 100% HS lớp 1 qua lớp mẫu giáo 5 tuổi;...)
- Chỉ đạo việc thực hiện quy trình thiết kế DH CNGD, hướng dẫn cách thức điều chỉnh ngữ liệu, công cụ DH, thời gian DH,... bám sát điều kiện thực tiễn.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật đến từng trường về DH TV1 CNGD; chú trọng phát triển đội ngũ GV cốt cán cấp sở, phòng, bảo đảm mỗi GV đứng lớp đều am hiểu tư tưởng, cách DH theo hướng CNGD.
- Nâng cao vai trò chỉ đạo và chịu trách nhiệm của cơ quan quản lý GD trong quá trình chỉ đạo sách TV1 CNGD.

**2.3.3. Đối với nhà trường**

- Chú trọng công tác truyền thông, với những hình thức đa dạng (như phối hợp với GD mầm non, sử dụng phương tiện

truyền thanh ở thôn, xóm, các cuộc họp chính quyền, cộng đồng, quảng bá những hình ảnh học tốt, dạy tốt về CNGD, quay các video clip, ...) để tạo sự đồng thuận cao trong xã hội về việc DH theo sách TV1 CNGD cho trẻ em.

- Phân phối tài liệu hướng dẫn thiết kế, quy trình DH, quan điểm, tư tưởng, định hướng CNGD, ... cho GV để tạo thuận lợi khi DH, nghiên cứu bài học; cung cấp/ giới thiệu nguồn mua sách TV1 CNGD, và tài liệu hướng dẫn cha mẹ HS trong việc hỗ trợ con em học và nói tiếng Việt ở nhà.

- Tổ chức triển khai TV1 CNGD ở trường học cả ngày, trong đó chú trọng tổ chức liên hệ với thực tiễn cuộc sống của HS, đặc biệt là phần giải nghĩa từ và tìm từ mới, ... để nâng cao khả năng nghe, nói, đọc hiểu cho HS.

### 3. Kết luận

Sách TV1 CNGD thể hiện rõ nhiệt huyết, công phu và sự nghiêm túc của nhóm tác giả trong việc thể nghiệm một hướng DH tiếng Việt cho HS lớp 1, đó là: Chuyên tải A (ngữ âm, nghệ thuật và văn hóa tiếng Việt) thành a (KN tiếng Việt) của HS thông qua một quy trình công nghệ gồm 4 việc làm (chiếm lĩnh ngữ âm, viết, đọc tron, viết chính tả) đã đạt được kết quả đáng trân trọng, nhất là khả năng đọc tron, viết chính tả của HS. Tuy nhiên, để có thể sử dụng phù hợp với định hướng của CT GD phổ thông mới, cần phải tiến hành những điều chỉnh cần thiết về quan điểm DH “chân không về nghĩa”, về quy trình DH cả 4 KN nghe, nói, đọc, viết và chú trọng phát triển năng lực giao tiếp cho HS.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nghị quyết số 888/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về *Đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông* và Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt đề án Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.
- [2] Theo ý kiến phê duyệt của Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ tại Tờ trình số 115/TTr-GDTH-VKHGDVN ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Viện trưởng Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học về việc *Đề xuất Kế hoạch khảo sát, đánh giá và thành lập Hội đồng Quốc gia Thẩm định sách Tiếng Việt 1 Công nghệ giáo dục*.
- [3] Hồ Ngọc Đại, (2007), *Công nghệ giáo dục*, tập 1, 2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Hồ Ngọc Đại, (2011), *Tài liệu tập huấn giáo viên dạy Tiếng Việt lớp Một*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2017), Thông tư ban hành *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa* (dự thảo ngày 12/6/2017).
- [6] Milk, Jaan, (2000), *Textbook: Research and Writing*, Frankfurt am Main: Peter Lang GmbH. Nogova, Mária & Bálint, Ludovít, (2006), *Systém kritérií na hodnotenie kvality učebníc (System of Evaluation Criteria to Assess Textbooks Quality)*, Pedagogická revue 4.
- [7] UNESCO, (2010), *Guidebook on textbook research and textbook Revision*, United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.
- [8] Reints, Arno, (2002), *A Framework for Assessing the Quality of Learning Materials*, In: Staffan Selander, Marita Tholey & Svein Lorentzen (eds.) *New Educational Media and Textbooks*, Stockholm: Stockholm Institute of Educational Press.

## THE QUALITY AND EFFECTIVENESS OF THE IMPLEMENTATION OF GRADE 1 TEXTBOOK ON VIETNAMESE LANGUAGE COURSE IN EDUCATION TECHNOLOGY PROGRAMME (ETP)

### Nguyen Thi Lan Phuong and Research Team

Email: lanphuongkhd@yahoo.com  
The Vietnam National Institute of Education Science  
No. 4 Trinh Hoai Duc Street, Dong Da District,  
Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** *In line with the modern trends in teaching "teaching language through reading, writing, listening and speaking communications" and the orientation of the new general education program, Grade 1 Textbook on Vietnamese Language Courses in Education Technology Programme (ETP) should be adjusted in its approaches. The teaching process should develop all four skills of listening, speaking, reading and writing as well as to focus on developing communication skills for students. This article presents the comments of 18 language experts and educational evaluators and the results of a survey of 1079 administrators, teachers, students and parents in Lao Cai, Nam Dinh, Ha Tinh, Tay Ninh and Kien Giang on the quality and effectiveness of the implementation the textbook mentioned.*

**KEYWORDS:** *Text book, Vietnamese Language Grade 1, Education Technology Programme; capacity; education quality*